

Số: 14 /TB-CSSB

Chơn Thành, ngày 13 tháng 08 năm 2025

THÔNG BÁO
Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/06/2024;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Nay Công ty cổ phần cao su Sông Bé thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản với nội dung như sau:

1. Đơn vị có tài sản: Công ty cổ phần cao su Sông Bé

Đại diện : Ông **Nguyễn Đông Dân** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : ĐT 751, tổ 8, KP Minh Thành 3, P. Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin về tài sản đấu giá

Tài sản đấu giá thành **01 gói**: 77,40 ha vườn cây Keo lai thanh lý tại nông trường Lộc Thạnh, Công ty cổ phần cao su Sông Bé, chi tiết như sau:

a. Khu vực xã Lộc Tấn: 69,47 ha trồng năm 2019; vòng thân bình quân: 35,25 cm; tổng số cây: 116.340 cây; tổng trữ lượng gỗ: 7.326,294 m³, chi tiết gồm các lô như sau:

- Lô 1: 8,73 ha
- Lô 2: 7,62 ha
- Lô 3: 18,18 ha
- Lô 4: 11,86 ha
- Lô 5: 15,73 ha
- Lô 6: 7,35 ha

Địa chỉ tài sản: tọa lạc tại Ban QLRPH Lộc Ninh, xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai thuộc NT Lộc Thạnh-Công ty cổ phần cao su Sông Bé quản lý.

b. Khu vực xã Lộc Thành (Tà Thiết): 7,93 ha, gồm:

Trồng năm 2020: 3,58 ha; vòng thân bình quân: 41 cm; tổng số cây: 1.950 cây; tổng trữ lượng gỗ: 235,96 m³, gồm các lô:

- Lô 1: 1,20 ha

- Lô 2: 2,38 ha

Trồng năm 2021: 4,35 ha; vòng thân bình quân: 39,44 cm; tổng số cây: 3.372 cây; tổng trữ lượng gỗ: 256,54 m³, chi tiết gồm các lô như sau:

- Lô 1: 0,76 ha

- Lô 2: 2,03 ha

- Lô 3: 1,56 ha

Địa chỉ tài sản: tọa lạc tại Ban QLRPH Lộc Ninh, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai thuộc NT Lộc Thành-Công ty cổ phần cao su Sông Bé quản lý

- Giá khởi điểm: 7.740.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng – giá bao gồm thuế).

* Ghi chú: giá trên là giá bán cây đứng tại vườn theo Hecta (đã bao gồm chi phí khai thác, vận chuyển và các loại chi phí, thuế khác có liên quan).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí sau:

3.1 Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố

3.2 Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

3.3 Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

3.4 Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

3.5 Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Có bảng biểu chi tiết tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá kèm theo

* **Ghi chú:** yêu cầu các tổ chức, đơn vị tham gia lựa chọn đấu giá tài sản phải cung cấp các hồ sơ theo như yêu cầu trong bảng tiêu chí đánh giá, nếu đơn vị nào không cung cấp hoặc cung cấp không đúng theo như yêu cầu trong tiêu chí lựa chọn, thì đơn vị có tài sản sẽ không xem xét hồ sơ tham gia đó.

4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản:

4.1. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: từ **07 giờ 30** ngày **14/08/2025** đến **16h00** ngày **18/08/2025** (Trong thời gian hành chính).

4.2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: tại Công ty cổ phần cao su Sông Bé – Địa chỉ: ĐT 751, khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

Liên hệ: A. Tài (02713 667203); Email: kehoachkinhdoanh.cssb@gmail.com.

001004
ÔNG T
Ổ PHẢ
CAO SU
ÔNG P
THÀNH-T

4.3. Hình thức tiếp nhận hồ sơ: tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại Công ty cổ phần cao su Sông Bé.

5. Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá bao gồm:

- Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập tổ chức đấu giá (*Bản sao y bản chính*).
- Các tổ chức đủ điều kiện lập hồ sơ tham dự theo biểu tiêu chí đính kèm với Thông báo này.

Công ty cổ phần cao su Sông Bé thông báo đến các tổ chức đấu giá được biết để tham gia nộp hồ sơ theo quy định để lập hồ sơ tổ chức đấu giá theo quy định. Mọi chi tiết xin liên hệ Công ty cổ phần cao su Sông Bé.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử QG về đấu giá tài sản của Bộ Tư Pháp;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT, PKH.



Nguyễn Đông Dân





**BẢNG TIÊU CHÍ LỰA CHỌN
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 74 /TB-CSSB ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số	4,0



	vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0

01004
NG TY
PHÂN
SAO SU
NG E
ANH-T

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Có trụ sở của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Đồng	4,0

	Nai có ít nhất 02 Hội trường. Trong đó, có 01 Hội trường có sức chứa từ 70 ghế trở lên.	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Tổ chức hành nghề đấu giá có Đấu giá viên hiện đang tham gia giảng dạy, đào tạo tại Học viện Tư Pháp. (Có tài liệu chứng minh).	1,0
Tổng số điểm		100

